

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-5-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa
2. Ông Lê Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Xuân H, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường K, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Vương Hồng C, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn bà Đặng Thị Xuân H thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Vương Hồng C vào năm 1983 có quan hệ tình cảm với nhau và sinh được một người con trai là Vương Quang Đ, sinh năm 1984. Từ khi sinh con đến nay bà và ông C không còn qua lại; ông C cũng không hỗ trợ bà nuôi con.

Hiện tại bà và ông C không còn quan hệ tình cảm, cũng như qua lại. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ly hôn với ông C;
- Về con chung: Vương Quang Đ, sinh ngày 14/01/1984. Hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Xuân H, tại biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Vương Hồng C ngày 28 tháng 4 năm 2021 thể hiện nội dung:

Ông và bà H quen biết nhau khoảng năm 1982, nhưng không có chung sống với nhau. Ông và bà H chỉ là thời trẻ quen biết có quan hệ nam nữ rồi có con. Ông và bà H không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Vào thời điểm quen biết với bà H ông đã có vợ là bà Hầu Thị H. Hiện tại ông và bà H vẫn chung sống với nhau và có ba con chung Vương Thị Bích Ph, sinh năm 1980, Vương Hồng H, sinh năm 1982 và Vương Kim T, sinh năm 1984. Ông và bà H sống với nhau, có làm đám cưới vào năm 1979 nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời điểm ông C quan hệ với bà H thì vợ ông không biết đến sau này mới biết.

Thực tế, ông và bà H không có thời gian sống chung; trong thời gian qua ông và bà H cũng không có tới lui, qua lại nên đối với yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Xuân H ông đồng ý. Ông và bà H có một người con chung là Vương Quang Đ, sinh năm 1984 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động và đang sống chung với bà H. Ông và bà H không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa ngày 18 tháng 5 năm 2021: Bà Đặng Thị Xuân H vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án giải quyết; ông Vương Hồng C thể hiện ý kiến xin vắng mặt và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông tại biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà H và ông C từ năm 1983 là hôn nhân được công nhận thực tế. Ngoài ra, theo như ông C trình bày thì trước đó ông C đã chung sống với bà Hầu Thị H từ năm 1979, có 3 con chung và hiện vẫn còn

tiếp tục chung sống đến nay. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C. Đồng thời, ông C cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là quan hệ hôn nhân trước 1987 được công nhận thực tế và đồng thời ông C có mối quan hệ hôn nhân khác với bà Hầu Thị H. Tuy nhiên, Tòa án chưa đưa bà Hầu Thị H vào tham gia vụ án để làm rõ sự việc có đúng như ông C trình bày để làm căn cứ giải quyết vụ án là bỏ sót người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhằm giải quyết vụ án được toàn diện, đúng quy định pháp luật.

Do đó, Tòa án cần đưa thêm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hầu Thị H vào tham gia vụ án nhằm giải quyết vụ án được toàn diện, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Vương Hồng C. Ông C có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị Xuân H, ông Vương Hồng C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C.

[3] Về yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa Kiểm sát viên có yêu cầu được bà Hầu Thị H là vợ đầu của ông Vương Hồng C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong vụ án này không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của bà H nên Hội đồng xét xử không đưa bà H vào tham gia tố tụng.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Bà H và ông C có quan hệ tình cảm vào năm 1983, có một con chung là Vương Quang Đ, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1984. Từ lúc sinh con đến nay bà H và ông C không còn qua lại; hiện bà H không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”. Thời điểm ông C sống với bà H và bà H là thời điểm Luật hôn nhân gia đình năm 1959 có hiệu lực thi hành.

Năm 1979 ông C sống chung với bà H và có tổ chức đám cưới. Căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình số 8462LB do Công an thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Vương Hồng C đứng chủ hộ năm 2004 thể hiện mối quan hệ của bà Hầu Thị H với chủ hộ ông C là “vợ”. Ông C và bà H vẫn sống chung đến nay và có với nhau 03 con chung Vương Thị Bích Ph, sinh năm 1980, Vương Hồng H, sinh năm 1982 và Vương Kim T, sinh năm 1984.

Năm 1983 ông C quan hệ tình cảm với bà H, không có tổ chức đám cưới. Trong thời gian này ông C vẫn sống chung với bà H mà chưa tiến hành thủ tục ly hôn với bà H. Mặc dù, vào thời điểm ông sống chung với bà H ông, bà không có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 1959. Tuy nhiên, trường hợp của ông và bà H sống chung với nhau trước ngày Luật hôn nhân gia đình năm 1959 có hiệu lực tại miền Nam Việt Nam (ngày 25/3/1977). Trong Luật hôn nhân gia đình năm 1959 cũng không có quy định những trường hợp hôn nhân được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực như của ông, bà sẽ được giải quyết như thế nào. Tuy nhiên tại khoản a Điều 3 Nghị quyết số 35 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội có hướng dẫn “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn.....*”. Do đó, dù đến hiện tại ông C và bà H không có đăng ký kết hôn thì vẫn được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp.

Nguyên tắc chung của Luật hôn nhân gia đình năm 1959 chỉ thừa nhận chế độ hôn nhân một vợ, một chồng. Bên cạnh đó, ông C cũng không thuộc trường hợp cán bộ, bộ đội có vợ trong nam, tập kết ra bắc lấy vợ khác để được thừa nhận cả hai hôn nhân. Trong thời gian hôn nhân giữa ông và bà H tồn tại hợp pháp mà ông lại có quan hệ vợ chồng với bà H nên pháp luật không thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông và bà H là vợ chồng.

[4.2] Về con chung: Bà H và ông C có một con chung tên Vương Quang Đ, sinh ngày 14/01/1984. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 1 Luật hôn nhân gia đình năm 1959;

Nghị quyết số 35 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị Xuân H và ông Vương Hồng C là vợ chồng.

2/ Về con chung: Vương Quang Đ, sinh ngày 14/01/1984. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Xuân H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ một phần vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007522, ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Bà H đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà H, ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu